TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2018/DS-ST.
Ngày: 19/4/2018.
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19/ 4/ 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, Toà án nhân dân huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST-DS, ngày 02/02/2018. Về việc: ***"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/ 2018/ QĐXXST - DS ngày 05/4/2018, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Thạch T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965;
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Nghĩa A, huyện K, tỉnh Gia Lai.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1967 và bà Đồng Thị M, sinh năm 1970;
Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Nghĩa A, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Đặng Thạch T và bà Nguyễn Thị L trình bày:
Xuất phát từ mối quan hệ quen biết là hàng xóm với nhau, nên vào ngày 01/ 3/ 2013 vợ chồng ông - bà có cho vợ chồng ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M mượn số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* vợ chồng ông C - bà M hẹn trong vòng 06 tháng sẽ trả lại cho ông - bà. Khi mượn tiền, vợ chồng ông C - bà M có ghi giấy mượn số tiền 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* ký, ghi rõ họ tên Đồng Thị M và giao giấy mượn tiền cho vợ chồng ông – bà giữ. Đến ngày 07/11/2016, vợ chồng ông Nguyễn C, bà Đồng Thị M mượn tiếp số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)*, nhưng ông C– bà M lại ghi Giấy mượn tiền với số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*, ông C– bà M lại hẹn đến hết tháng 12/2016 sẽ trả hết cho vợ chồng ông – bà. Ông C– bà M cùng ký,

ghi rõ họ tên ký tên Nguyễn C và Đồng Thị M và giao giấy mượn tiền cho vợ chồng ông - bà giữ. Hiện 02 Giấy mượn tiền, ông - bà đã cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện có tổng số tiền mà ông C– bà M ghi nhận nợ là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng*), nhưng thực tế thì ông C– bà M chỉ còn nợ số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* nên ông – bà chỉ khởi kiện và chỉ yêu cầu ông C– bà M phải trả số tiền nợ gốc còn nợ của ông– bà là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*.

Trong quá trình vay tiền, thời gian vợ chồng ông C - bà M hẹn trả nợ đã quá lâu, mà vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng ông - bà khởi kiện và yêu cầu vợ chồng ông C - bà M phải trả cho vợ chồng ông - bà số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*.

Tại phiên tòa hôm nay, ông - bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn là ông C – bà M phải trả cho ông - bà số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*, với phương thức trả nợ làm 01 lần. Ông - bà không chấp nhận cho ông C - bà M xin được trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là vợ chồng ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M trình bày:

Vợ chồng ông - bà thừa nhận còn nợ vợ chồng ông Đặng Thạch T và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*, do ông - bà vay. Ông - bà đã viết 02 Giấy mượn tiền, nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2013, là vợ chồng ông - bà mượn của vợ chồng ông T - bà L số tiền 20.000.000 đồng trong vòng 6 tháng kể từ ngày viết giấy và nội dung giấy mượn tiền đề ngày 07/11/2016 là ông Công- bà M mượn của vợ chồng ông T - bà L số tiền 30.000.000 đồng đến hết tháng 12 năm 2016 sẽ thanh toán cho ông T - bà L, không lãi suất. Vợ chồng ông - bà cùng ký vào giấy mượn tiền và giao lại giấy mượn tiền cho ông T - bà L giữ. Nay ông T- bà L khởi kiện và giao nộp chứng cứ tại Tòa án đúng với giấy mượn tiền của vợ chồng ông - bà (C- M) đã ghi và ký nhận nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông – bà được kiểm tra 02 Giấy mượn tiềnmà ông T - bà L đã cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện có tổng số tiền mà ông C– bà M ghi nhận nợ là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng*), đúng với chữ ký nhận nợ mà ông – bà đã ký, nhưng thực tế thì ông – bà chỉ nợ số tiền 20.000.000 đồng mượn vào ngày 01/3/2013 và 10.000.000 đồng mượn vào ngày 07/11/2016 ngày Giấy mượn tiền đề ngày 07/11/2016 có số tiền 30.000.000 đồng là do ông – bà cộng cả số tiền vay ngày 01/3/2013, cả hai bên đều quên không hủy giấy vay ngày 01/3/2013. Nay ông T - bà L chỉ khởi kiện yêu cầu ông – bà phải trả số tiền nợ gốc còn nợ của ông– bà là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* là đúng với số tiền ông – bà đã vay của ông T - bà L.

Tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông – bà vẫn chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, nhưng ông – bà xin được trả dần số tiền nợ trên theo kỳ, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ trên.

Bị đơn chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn là: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án là vợ chồng ông Nguyễn C và bà Đồng Thị M thi hành án xong, tất cả các khoản tiền (30.000.000 đồng nợ gốc), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn là vợ chồng ông Đặng Thạch T - bà Nguyễn Thị L với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản, cụ thể là quan hệ giữa bên cho vay là ông T - bà L và bên vay là ông C- bà M. Quan hệ này được lập thành văn bản, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Ông T - bà L là chủ thể trong giao dịch có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Đơn khởi kiện đảm bảo về hình thức và thời hiệu khởi kiện nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, Gia Lai.

[2] Quan hệ vay tài sản giữa người cho vay ông T - bà L và người vay là ông C - bà M có thực hiện việc giao kết hợp đồng là 02 bản chính của 02 Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2013 với số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và vào ngày 07/11/2016 với số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng;

Nội dung của Giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2013 là:

"*Vợ chồng tôi là Nguyễn C và Đồng Thị M cùng ngụ tại thôn 2, xã Nghĩa A, huyện K, tỉnh Gia Lai.*

Hiện nay ngày 1 tháng 3 năm 2013 nhằm ngày 20 tháng giêng năm Quý Tỵ có mượn của vợ chồng ông Đặng Thạch T và bà Nguyễn Thị L cùng ngụ tại Thôn A, xã Nghĩa A-K-Gia Lai số tiền là Hai chục triệu đồng (20.000.000 đồng) trong vòng 6 tháng (sáu tháng) kể từ ngày viết giấy.

Số tiền trên tôi sẽ trả đúng hẹn, nếu sai trái với cam kết chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghĩa A ngày 1 tháng 3 năm 2013
Người viết giấy mượn (thay mặt chồng ký tên)
Đồng Thị M"

Nội dung của Giấy mượn tiền đề ngày 07/11/2016 là:

"*Hôm nay ngày 7 tháng 11 năm 2016 (Ngày 8 tháng 10 Âm lịch)*

Tôi là Nguyễn C, vợ là Đồng Thị M ngụ tại thôn 2, xã Nghĩa A, huyện K có mượn của vợ chồng ông Đặng Thạch T và bà Nguyễn Thị L cùng ở tại Thôn 2, xã Nghĩa A, K, Gia Lai số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến hết tháng 12 năm 2016. vợ

chồng tôi sẽ thanh toán cho vợ chồng ông Đặng Thạch T và bà Nguyễn Thị L. Nếu sai cam kết vợ chồng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kbang, ngày 7 tháng 11 năm 2016

Người vay ký tên

Nguyễn C và Đồng Thị M"

Chứng cứ do ông T - bà L cung cấp cho Tòa án làm chứng cứ khởi kiện là 02 Giấy mượn tiền, ông - bà đã cung cấp cho Tòa án có tổng số tiền là 50.000.000 đồng *(năm mươi triệu đồng*), nhưng thực tế bị đơn chỉ còn nợ số tiền 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* và nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn nợ của nguyên đơn là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)*. Chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn đã được bị đơn là ông C - bà M thừa nhận, đồng thời hoàn toàn phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên chứng cứ trên được HĐXX chấp nhận.

[3] Bị đơn là ông C - bà Mđã thừa nhận nợ ông T - bà L số tiền là 30.000.000 đồng nợ gốc và chấp nhận trả nợ, nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Đối với yêu cầu trả nợ dần của bị đơn thì nguyên đơn không đồng ý, hơn nữa bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng trên số tiền 30.000.000 đồng thì thời gian thực hiện quá lâu, không đảm bảo được quyền lợi cho ông T - bà L, nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích như trên, căn cứ vào Điều 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thạch T - bà Nguyễn Thị L để buộc bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng*).

Về án phí DS-ST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 91; 93; 94; 95; 108 và khoản 03 Điều 144; khoản 01 và khoản 05 Điều 147; 227; 228; 266, 357, 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thạch T - bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông T - bà L (*đối với khoản tiền 30.000.000 đồng*) cho đến khi người phải thi hành án là vợ chồng

ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị đơn ông Nguyễn C - bà Đồng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đặng Thạch T - bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0007203, ngày 31/01/2018 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS Kbang;
-THA Kbang;
-Các đương sự;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ THỊ LÀNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ THỊ LÀNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Cảnh ***Đinh Đình Chi*** ***Đỗ Thị Lành***

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
-VKS KBang;
-THA KBang;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên